

**DANH MỤC HÓA CHẤT BẢNG 3 (Ban hành kèm theo Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ)**

Chi tiết:

**Chi tiết hàng hóa**

STT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
<b>A</b>	<b>Các hóa chất độc</b>		
1	Phosgene: Carbonyl dichloride	75- 44-5	281210
2	Cyanogen chloride	506- 77- 4	285100
3	Hydrogen cyanide	74- 90- 8	281119
4	Chloropicrin: Trichloronitromethane	76- 06- 2	290490
<b>B</b>	<b>Các tiền chất</b>		
1	Phosphorus oxychloride	10025- 87- 3	281210
2	Phosphorus trichloride	7719- 12- 2	281210
3	Phosphorus pentachloride	10026- 13- 8	281210
4	Trimethyl phosphite	121- 45- 9	292090
5	Triethyl phosphite	122- 52- 1	292090
6	Dimethyl phosphite	868- 85- 9	292090
7	Diethyl phosphite	762- 04- 9	292090
8	Sulfur monochloride	10025- 67- 9	281210
9	Sulfur dichloride	10545- 99- 0	281210
10	Thionyl chloride	7719- 09- 7	281210
11	Ethyldiethanolamine	139- 87- 7	292219
12	Methyldiethanolamine	105- 59- 9	292219
13	Triethanolamine	102- 71- 6	292213

**Ghi chú**

Ghi chú: Những hóa chất trên là những chất chính (cơ chất), còn các dẫn xuất của chúng được Tổ chức Công ước liệt kê trong Sổ tay Hóa chất. Đến tháng 12 năm 2002 đã có 894 dẫn xuất đang có

ứng dụng thương mại rộng rãi. Thông tin về các dẫn xuất trên sẽ được Bộ Công Thương cung cấp theo yêu cầu cụ thể.